

Số: 1045/QĐ-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2020
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 29/01/2008 của Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định về việc thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT; được bổ sung theo Công văn số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18/4/2013 của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-ĐHSP ngày 15/10/2019 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ-ĐHSP ngày 07/5/2024 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc kiện toàn Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2024 trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy đợt 2 năm 2024 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 24/5/2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cử nhân cho 1077 (một ngàn không trăm bảy mươi bảy) sinh viên, cụ thể:

Ngành Sư phạm Toán học
Ngành Sư phạm Vật lý
Ngành Sư phạm Hóa học

Có 160 (một trăm sáu mươi) sinh viên;
Có 38 (ba mươi tám) sinh viên;
Có 57 (năm mươi bảy) sinh viên;

Ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên	Có 12 (mười hai) sinh viên;
Ngành Sư phạm Sinh học	Có 2 (hai) sinh viên;
Ngành Giáo dục Chính trị	Có 11 (mười một) sinh viên;
Ngành Giáo dục Công dân	Có 9 (chín) sinh viên;
Ngành Sư phạm Âm nhạc	Có 25 (hai mươi lăm) sinh viên;
Ngành Sư phạm Ngữ văn	Có 83 (tám mươi ba) sinh viên;
Ngành Sư phạm Lịch sử	Có 10 (mười) sinh viên;
Ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý	Có 17 (mười bảy) sinh viên;
Ngành Sư phạm Địa lý	Có 12 (mười hai) sinh viên;
Ngành Giáo dục Tiểu học	Có 201 (hai trăm linh một) sinh viên;
Ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	Có 31 (ba mươi một) sinh viên;
Ngành Giáo dục Mầm non	Có 134 (một trăm ba mươi bốn) sinh viên;
Ngành Công nghệ thông tin	Có 30 (ba mươi) sinh viên;
Ngành Công nghệ thông tin (Ưu tiên)	Có 4 (bốn) sinh viên;
Ngành Công nghệ thông tin (CLC)	Có 1 (một) sinh viên;
Ngành Hóa học (Hóa dược)	Có 11 (mười một) sinh viên;
Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Có 1 (một) sinh viên;
Ngành Công nghệ sinh học	Có 5 (năm) sinh viên;
Ngành Văn học	Có 7 (bảy) sinh viên;
Ngành Văn hóa học	Có 4 (bốn) sinh viên;
Ngành Báo chí	Có 46 (bốn mươi sáu) sinh viên;
Ngành Báo chí (CLC)	Có 1 (một) sinh viên;
Ngành Việt Nam học	Có 78 (bảy mươi tám) sinh viên;
Ngành Việt Nam học (CLC)	Có 1 (một) sinh viên;
Ngành Lịch sử	Có 10 (mười) sinh viên;
Ngành Địa lý học	Có 31 (ba mươi một) sinh viên;
Ngành Tâm lý học	Có 30 (ba mươi) sinh viên;
Ngành Tâm lý học (CLC)	Có 3 (ba) sinh viên;
Ngành Công tác xã hội	Có 12 (mười hai) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn



**DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Đức Anh	15/06/2002	3,19	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
2	Mai Thị Thùy Dung	10/03/2002	3,23	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
3	Võ Quang Duy	23/05/2002	3,76	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
4	Nguyễn Đình Hưng	22/07/2002	3,00	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
5	Lê Đình Huy	14/06/2002	3,41	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 34
6	Lê Trần Huy	10/04/2002	3,45	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 35
7	Nguyễn Minh Huyền	19/05/2002	3,06	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 36
8	Châu Vinh Khánh	30/03/2002	3,98	Xuất sắc	3728/QĐ-ĐHĐN ngày 27/10/2020 7
9	Lê Thị Trúc Linh	19/02/2002	2,99	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
10	Nguyễn Thị Mai Loan	09/10/1997	3,83	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
11	Mai Thị Bích Như	27/09/2002	3,40	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 60
12	Nguyễn Thị Ni Ni	23/11/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 61
13	Phan Thị Mai Phương	22/09/2002	3,37	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 67
14	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	17/04/2002	3,77	Xuất sắc	3728/QĐ-ĐHĐN ngày 27/10/2020 9
15	Huỳnh Thị Thanh Trúc	22/12/2002	3,34	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 104
16	Phạm Xuân Ái Vy	27/11/2002	3,67	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 117
17	Nguyễn Minh Quyên	01/11/2002	2,94	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 120
18	Cao Thị Minh Anh	20/10/2002	2,90	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
19	Lê Ngọc Bảo Châu	05/11/2002	2,81	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
20	Tô Hữu Cường	25/03/2002	2,71	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
21	Hoàng Tuấn Duy	26/12/2002	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
22	Phùng Quang Huy	26/05/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
23	Ngô Thị Thanh Huyền	11/01/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
24	Nguyễn Thị Huyền	04/09/2002	3,41	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 46
25	Lê Thị Linh	01/01/2002	2,84	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 59
26	Nguyễn Thị Phương Loan	07/11/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 63

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Nguyễn Văn Lộc	08/10/2002	2,73	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 65
28	Trần Thị Cẩm Ly	04/10/2002	3,50	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 71
29	Lê Hà Bảo Ngọc	22/03/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 80
30	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	20/09/2002	2,86	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 85
31	Phan Văn Nhật	09/06/2002	3,58	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 87
32	Trần Thị Yến Nhi	01/07/2002	2,99	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 90
33	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	06/05/2002	3,30	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 94
34	Lê Minh Tâm	12/03/2002	3,71	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 124
35	Lý Thị Thanh Thanh	24/11/2002	2,83	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 127
36	Nguyễn Xuân Minh Thanh	13/07/2002	2,74	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 128
37	Võ Văn Tiến	24/05/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 147
38	Võ Thanh Trà	15/01/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 152
39	Nguyễn Thị Yến Trang	22/11/2002	3,30	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 157
40	Lê Thị Viên	14/06/2002	3,08	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 171
41	Lê Thị Hải Yến	14/01/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 176
42	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	16/06/2002	2,71	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
43	Đinh Thùy Dung	18/07/2002	3,32	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
44	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	16/04/2002	3,30	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
45	Huỳnh Thị Duyên	16/07/2002	3,39	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
46	Huỳnh Thị Vân Khánh	31/10/2002	3,28	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 37
47	Lê Hoàng Long	31/05/2002	3,29	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 43
48	Huỳnh Khánh Ly	23/06/2002	3,56	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
49	Đặng Thị Ly Na	26/02/2002	3,27	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 51
50	Nguyễn Mai Quỳnh Nhi	11/06/2002	3,22	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 58
51	Lê Thanh Quỳnh Như	31/08/2002	3,84	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 59
52	Đinh Thị Kiều Oanh	12/03/2002	2,98	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 62
53	Đỗ Đăng Thịnh	01/01/1997	3,80	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 85
54	Nguyễn Ái Thư	15/12/2002	3,41	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 90
55	Phạm Thị Hoài Thương	17/08/2002	3,33	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 93
56	Nguyễn Thị Hạ Uyên	09/09/2002	3,54	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 109
57	Nguyễn Thị Hạ Uyên	20/02/2002	2,87	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 112
58	Trần Phúc Như Ý	22/08/2002	2,81	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 118
59	Hà Thị Hải Âu	08/05/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
60	Nguyễn Thị Thanh Bình	10/06/2002	2,75	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
61	Đoàn Kỳ Duyên	04/12/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 16
62	Đặng Võ Thị Hằng	21/06/2002	3,30	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24
63	Võ Thị Mỹ Hạnh	15/10/2002	2,95	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 22
64	Trần Thị Hậu	27/08/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 27
65	Mai Thị Hiền	30/03/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 31
66	Nguyễn Thị Bích Hiền	27/08/2002	2,99	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
67	Nguyễn Ngọc Anh Huy	19/09/2002	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
68	Trần Khánh Huy	27/06/2002	2,91	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 43
69	Nguyễn Văn Kha	23/01/2002	2,99	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 50
70	Trần Lê Diệu Linh	09/04/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 61
71	Đinh Ngô Thảo Ly	06/04/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 68
72	Phan Thị Ngân	04/07/2001	3,70	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 79
73	Huỳnh Hoài Nhân	05/01/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 86
74	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/05/2002	3,63	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 92
75	Nguyễn Quốc Nhựt	03/09/2002	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 96
76	Nguyễn Thị Anh Phương	26/11/2002	2,91	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 107
77	Phạm Thị Phương	23/07/2002	2,93	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 108
78	Huỳnh Thu Phương	12/05/2002	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 106
79	Trương Hoàng Phương Thảo	10/10/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 133
80	Nguyễn Nhật Toàn	02/07/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 151
81	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/11/2002	2,70	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 156
82	Đồng Đắc Vũ	06/11/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 172
83	Lê Tường Vy	20/06/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 175
84	Hoàng Vũ Nhật Vy	15/06/2002	3,68	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 173
85	Phan Nguyễn Thu Hà	09/04/2002	3,48	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
86	Lê Thị Xuân Hương	11/03/2002	3,53	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
87	Đặng Thị Mỹ Lợi	03/01/2002	3,22	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 42
88	Lý Tiểu Mẫn	20/02/2002	2,91	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 46
89	Nguyễn Thị My My	16/05/2002	3,17	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 50
90	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	25/12/2002	2,82	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 74
91	Phạm Thanh Thảo	28/07/2002	3,36	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 81
92	Phạm Ngọc Thiện	29/06/2002	2,90	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 84

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
93	Võ Thương Thương	15/08/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 94
94	Lê Thị Quý Thương	10/10/2002	3,27	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 95
95	Nguyễn Thị Thanh Thủy	23/01/2002	3,10	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 98
96	Nguyễn Trương Thanh Trà	01/05/2002	2,82	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 100
97	Lê Thị Phương Uyên	14/03/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 108
98	Nguyễn Thị Vy	26/11/2002	3,36	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 116
99	Hoàng Thị Dân	23/03/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
100	Phạm Thị Bích Đào	23/05/2002	3,43	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
101	Dương Nữ Trà Giang	21/09/2002	3,60	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
102	Lê Thị Thu Hiền	30/07/2002	3,24	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
103	Bùi Thị Thu Hiền	17/06/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
104	Lê Thị Hoàng	22/05/2001	3,74	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 35
105	Phạm Gia Huy	28/05/2002	3,01	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
106	Alăng Thị Kiến	20/05/2002	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 55
107	Nguyễn Thị Hoàng Linh	31/03/2002	2,95	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 60
108	Phan Thị Ly	28/02/2002	3,19	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 70
109	Phạm Thị Ngọc	23/07/2002	2,79	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 81
110	Nguyễn Thành Trinh Nguyên	25/11/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 84
111	Ngô Đỗ Yến Nhi	13/06/2002	2,97	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 89
112	Đặng Thị Hồng Phúc	27/04/2002	3,59	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 103
113	Nguyễn Thị Quê	19/01/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 113
114	Nguyễn Thị Hà Quyen	30/07/2002	2,83	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 116
115	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/05/2002	2,87	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 131
116	Nguyễn Hữu Tiến	05/10/1994	3,93	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 145
117	Nguyễn Thị Kiều Trâm	27/04/2002	3,61	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 160
118	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	15/11/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 161
119	Trần Huyền Trang	23/10/2002	3,15	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 158
120	Đỗ Thị Mai Trinh	02/01/2002	2,91	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 162
121	Phạm Thị Phương Dung	20/04/2002	3,32	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
122	Nguyễn Thị Thu Hằng	24/08/2002	3,21	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
123	Mai Thị Hồng Hạnh	10/09/2002	3,52	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 22
124	Mạc Hữu Lộc	19/11/2002	3,69	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
125	Phan Thị Diệu Mỹ	01/09/2002	3,38	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 49

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
126	Phan Quý Ngà	13/07/2002	2,76	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 54
127	Hoàng Thị Kim Ngọc	27/10/2002	2,98	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 55
128	Lê Thị Thu Thảo	08/03/2002	3,29	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 82
129	Hồ Thị Huỳnh Thư	01/09/2002	3,40	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 89
130	Phạm Huỳnh Thanh Thúy	25/11/2002	3,23	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 96
131	Phạm Thị Cẩm Tú	17/06/2002	3,05	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 105
132	Lê Hồ Hải Yến	21/09/2002	3,35	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 119
133	Nguyễn Thị Bình	24/04/2002	2,85	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
134	Lê Thị Thu Hà	04/11/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 21
135	Hồ Tăng Hoàng	26/06/2002	3,50	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 34
136	Chu Thị Khánh Huyền	22/04/2001	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
137	Đậu Thị Phương Linh	02/07/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 58
138	Nguyễn Thành Luân	02/04/2001	2,95	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 66
139	Trần Xuân Nam	25/11/2002	2,50	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 77
140	Đặng Ngọc Mỹ Nguyên	11/09/2002	2,86	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 82
141	Đặng Thị Quỳnh Nhi	13/10/2002	3,17	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 88
142	Tán Ngọc Hồng Nhung	06/09/2002	3,00	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 93
143	Nguyễn Thị Bảo Ny	17/07/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 98
144	Lê Thị Phước	04/02/2002	3,65	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 104
145	Huỳnh Thị Anh Phương	18/04/2002	3,43	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 105
146	Trần Thị Mỹ Phương	10/02/2002	3,61	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 109
147	Đinh Thị Kim Phượng	26/10/2002	3,46	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 110
148	Lê Trịnh Minh Quân	19/11/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 111
149	Lê Thị Thùy Sen	13/02/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 121
150	Đoàn Tàu	16/06/2002	3,34	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 123
151	Nguyễn Trần Bích Thảo	24/09/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 132
152	Bùi Đặng Thanh Thảo	11/03/2002	2,90	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 130
153	Trần Thị Phước Thuận	26/04/2001	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 137
154	Nguyễn Thị Thu Thủy	27/11/2002	3,60	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 139
155	Trịnh Thị Thu Thủy	22/08/2002	2,97	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 140
156	Nguyễn Thị Minh Thuyền	05/01/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 142
157	Dương Thị Bích Trâm	10/07/2002	3,18	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 159
158	Nguyễn Thị Thu Trang	19/09/2002	2,88	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 155

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
159	Hà Văn Trọng	01/10/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-DHĐN ngày 26/10/2020 163
160	Trần Ngọc Tuấn	24/10/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-DHĐN ngày 26/10/2020 167

Ấn định danh sách này có 160 (một trăm sáu mươi) sinh viên , trong đó có:

- 22 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 64 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 74 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn



**DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Thị Hoàng Anh	10/03/2002	3,85	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
2	Phạm Văn Quốc Hiếu	04/08/2002	3,95	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
3	Trần Thanh Hiếu	02/12/2002	3,42	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
4	Nguyễn Thị Ngân Hòa	11/03/2002	3,70	Xuất sắc	3728/QĐ-ĐHĐN ngày 27/10/2020 16
5	Huỳnh Thị Kim Khánh	06/11/2002	3,23	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
6	Trần Phương Ngân	02/01/2002	3,31	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
7	Nguyễn Hoàng Thanh Sang	09/09/2002	3,51	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
8	Nguyễn Thị Vinh	12/09/2002	3,26	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
9	Lê Thị Thu Đông	02/01/2002	3,06	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
10	Đoàn Ngọc Quỳnh Lan	03/11/2002	2,87	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
11	Phan Thị Huyền Trang	07/04/2002	2,83	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
12	Đặng Tường Vi	04/01/2002	3,23	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
13	Trần Huỳnh Thanh Xuân	14/02/2002	3,00	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
14	Alăng Thị Aly	17/08/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
15	Huỳnh Phương Anh	26/07/2002	3,62	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
16	Nguyễn Thị Phi Ánh	10/05/2002	3,03	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
17	Trần Văn Duy	15/06/2002	3,08	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
18	Nguyễn Văn Linh	05/07/1999	3,90	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
19	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/03/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
20	Đỗ Ngọc Phương Loan	03/11/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
21	Nguyễn Thị Ly Ly	02/02/2002	3,82	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
22	Nguyễn Thị Trúc Ly	04/03/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
23	Lương Văn Mạnh	10/07/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
24	Alăng Thị Me	10/10/2002	3,18	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
25	Phạm Thị Mỹ Nguyệt	10/01/2002	2,88	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 23
26	Nguyễn Tuyết Nhi	05/08/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 26



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Đỗ Nguyễn Quỳnh Nhi	10/03/2002	3,33	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 25
28	Phạm Đắc Hoàng Nhi	06/05/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 27
29	Lê Thị Phương	16/01/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
30	Nguyễn Nhật Oanh	18/05/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 29
31	Huỳnh Ngọc Như Tâm	03/08/2002	3,46	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
32	Nguyễn Thị Thảo	09/12/2002	3,37	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
33	Phạm Bảo Trâm	19/02/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 36
34	Trương Thị Thanh Tuyền	13/05/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
35	Nguyễn Thị Thu Yến	17/11/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
36	Phan Thị Hồng Nhi	18/10/2001	3,52	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 9
37	Lê Thị Yến Nhi	28/10/2002	3,18	Khá	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 10
38	Bùi Mỹ Hạnh	04/11/2002	3,41	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 3

Ấn định danh sách này có 38 (ba mươi tám) sinh viên , trong đó có:

- 6 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 17 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 15 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Hải Dương	06/01/2002	3,24	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
2	Đặng Thị Quỳnh Hương	22/10/2002	3,56	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
3	Huỳnh Thị Mỹ Lệ	24/12/2002	3,34	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
4	Trương Đoàn Nhật Linh	11/11/2002	3,85	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
5	Trần Kim Bảo Ngọc	18/12/2002	3,50	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
6	Trần Thảo Nhi	08/04/2002	3,59	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 16
7	Nguyễn Hồng Khánh Phương	20/01/2002	3,77	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
8	Lê Nhật Phương	18/01/2002	3,51	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
9	Nguyễn Hoàng An Phương	04/11/2002	3,29	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
10	Huỳnh Xuân Phương	09/02/2002	3,31	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 21
11	Nguyễn Thị Kiều Trang	10/03/2002	3,18	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
12	Đặng Thị Ánh Tuyết	16/09/2002	3,61	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 31
13	Nguyễn Thị Kim Anh	21/08/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
14	Phạm Nguyễn Liên Chi	25/02/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
15	Đặng Phương Giao	07/12/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
16	Hồ Trung Hiền	12/02/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
17	Văn Thị Kim Hoàng	25/08/2001	2,64	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
18	Phạm Thị Ánh Hồng	08/09/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
19	Nguyễn Thị Ly Na	28/02/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 35
20	Mai Thị Diệu Ngân	28/09/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 37
21	Trần Lê Yến Nhi	02/01/2002	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
22	Trần Bảo Quyên	12/05/2002	3,01	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 50
23	Nguyễn Hà Quyên	05/11/2002	3,24	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 49
24	Đoàn Trần Thảo Oanh	18/11/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
25	Phan Thị Thanh Thảo	19/04/2002	3,06	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 54
26	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	16/01/2002	3,94	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 66
27	Đặng Thị Thuỳ Trang	16/04/2002	3,37	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 60
28	Nguyễn Phương Trúc	05/08/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 70
29	Phùng Lê Anh Tuấn	12/01/2002	3,03	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 71
30	Phan Thị Kiều Vi	28/09/2000	3,59	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 76
31	Nguyễn Khánh Vy	29/11/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 78
32	Huỳnh Thị Khánh Ly	29/10/2002	3,25	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
33	Trần Thị Bích Ngân	28/10/2002	3,37	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
34	Hồ Thị Thu Trang	13/08/2002	3,40	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 29
35	Phạm Nguyễn Trường Vân	16/06/2002	3,34	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
36	Trần Thị Ngọc Dung	16/08/2002	3,84	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
37	Lê Thúy Nga	19/01/2002	3,05	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
38	Lê Vũ Ý Nhi	04/07/2002	3,15	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
39	Trần Thị Diệu Thu	20/05/2002	3,46	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
40	Nguyễn Thùy Minh Thúy	25/07/2002	2,92	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 22
41	Trần Thị Hoài An	09/09/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
42	Ngô Quang Hưng	25/07/1998	3,43	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 21
43	Nguyễn Thị Kiều	08/02/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24
44	Trần Thị Lâm	10/08/2002	3,30	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 26
45	Bùi Thị Hoài Linh	20/06/2001	2,93	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 27
46	Đặng Thị Hà My	14/09/2002	3,38	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
47	Lê Thị Nga	05/08/2002	3,34	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 36
48	Phạm Đoàn Kiều Ngoan	24/06/2002	2,89	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
49	Đặng Thị Bích Ngọc	06/11/2002	3,52	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
50	Lê Thị Thùy Nhung	14/04/2002	3,18	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
51	Nguyễn Hồ Hương Thảo	07/12/2002	3,59	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 53
52	Thái Trần Thu Thảo	03/07/2002	2,76	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 55
53	Nguyễn Thủy Tiên	08/09/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 58
54	Đặng Thị Ngọc Trâm	04/09/2002	2,84	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 63
55	Võ Thị Thùy Trang	29/08/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 62

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
56	Lê Trần Hồng Vi	06/07/2002	2,70	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 75
57	Huỳnh Thị Tường Vi	20/08/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 74

Ấn định danh sách này có 57 (năm mươi bảy) sinh viên , trong đó có:

- 5 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 31 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 21 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình *pho*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn



**DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 11 tháng 5 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Phan Thị Thanh Tuyền	02/04/2002	3,96	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
2	Bùi Thị Nguyên Phương	22/12/2002	3,81	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
3	Nguyễn Thị Ánh Duyên	15/04/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
4	Ngô Kiều Oanh	29/04/2002	3,58	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
5	Đặng Thị Diễm Quỳnh	26/09/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
6	Hồ Thị Thu	26/04/2002	3,30	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
7	Phạm Thị Thùy Dương	15/05/2002	3,38	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 1
8	Cao Thị Thúy Hồng	15/07/2002	3,07	Khá	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 2
9	Nguyễn Trương Như Quỳnh	30/09/2002	3,26	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 4
10	Trần Thị Thanh Tâm	12/06/2002	3,43	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 5
11	Nguyễn Ngọc Tú	20/04/2002	2,94	Khá	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 6
12	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/02/2002	3,33	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 9

Ấn định danh sách này có 12 (mười hai) sinh viên , trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 8 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 2 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM SINH HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trương Ánh Tuyết	22/10/2002	3,48	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
2	Bùi Đức Anh	30/08/2002	3,63	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1

- Ấn định danh sách này có 2 (hai) sinh viên , trong đó có:
- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
 - 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
 - 0 sinh viên Xếp loại Khá
 - 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Văn Bình	21/10/2002	2,77	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
2	Trần Thị Phương Dung	29/08/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
3	Nguyễn Thị Ngân Hà	25/10/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
4	Hồ Thị Huệ	25/01/2002	3,26	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
5	Brúu Thị Lem	27/09/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 25
6	Ksor H' Quyên	04/06/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 56
7	Alăng Thị Thảo	13/02/2002	3,45	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 65
8	A Lăng Tiến	01/03/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 74
9	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	13/03/2002	2,93	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 82
10	Đinh Hồng Linh	20/03/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
11	Trần Bảo Ngân	04/09/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40

- Ấn định danh sách này có 11 (mười một) sinh viên , trong đó có:
- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
 - 7 sinh viên Xếp loại Giỏi
 - 4 sinh viên Xếp loại Khá
 - 0 sinh viên Xếp loại Trung bình *pho*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 1145/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Diệu Hiền	23/08/2002	3,37	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
2	Y Năng	08/05/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 34
3	Phạm Hồng Hải Ngọc	11/07/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
4	Hôih Thị Nguôn	18/08/2002	3,31	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
5	Bùi Thanh Phương	09/12/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 51
6	Zorâm Thị Phượng	05/11/2002	3,18	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 52
7	Hồ Văn Triệu	12/11/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 78
8	Bling Lương	25/01/2002	3,31	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 2
9	Nguyễn Thị Thanh Thúy	08/07/2002	3,02	Khá	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 4

- Ấn định danh sách này có 9 (chín) sinh viên , trong đó có:
- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
 - 6 sinh viên Xếp loại Giỏi
 - 3 sinh viên Xếp loại Khá
 - 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/01/2002	3,56	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
2	Nguyễn Thị Minh Khuyên	01/06/2002	3,60	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
3	Đông Không Phương Linh	21/05/2001	3,67	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
4	Võ Thị Hoài Ly	01/12/2002	3,49	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
5	Nguyễn Thị Nga	07/10/1997	3,61	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
6	Lê Văn Hạnh Nguyên	16/02/2002	3,64	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
7	Phạm Thị Quỳnh Như	18/05/2002	3,65	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
8	Y Sảng	04/01/2002	2,99	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
9	Trần Văn Thái	26/01/2002	3,43	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
10	Lê Thị Phương Thảo	15/04/2002	3,72	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
11	Nguyễn Song Thoại	22/04/2002	3,01	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
12	Lương Trí Thông	26/02/1999	3,50	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
13	Phạm Hương Liên Trà	24/09/1992	3,68	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
14	Nguyễn Thị Đoan Trang	04/10/2001	3,40	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
15	Hồ Thanh Trường	07/05/2002	3,40	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
16	Hoàng Minh Tuấn	24/02/2000	3,05	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 22
17	Nguyễn Hải Yến	19/04/2001	3,42	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24
18	Nguyễn Thị Vân Anh	23/12/2002	3,30	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
19	Nguyễn Hồng Đức	07/10/2001	3,33	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
20	Nguyễn Thanh Ngọc Minh	25/07/2002	3,51	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
21	Hứa Thị Minh Thư	21/04/2002	3,26	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
22	Nghiêm Thị Thiên Trang	25/10/2002	3,45	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
23	Huỳnh Huy Trường	10/01/2002	3,25	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
24	Nguyễn Thị Thảo Nhi	01/01/2002	3,45	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
25	Đinh Nguyên Minh	15/10/2002	3,43	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6

Ấn định danh sách này có 25 (hai mươi lăm) sinh viên , trong đó có:

- 7 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 15 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 3 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình *pho*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn



DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045 /QĐ-ĐHSP ngày 9 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Phương Anh	17/07/2002	3,34	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
2	Trần Thị Thảo Ly	17/01/2000	3,32	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
3	Nguyễn Anh Thi	31/03/2002	3,81	Xuất sắc	3728/QĐ-ĐHĐN ngày 27/10/2020 20
4	Nguyễn Thị Hoài Thương	17/02/2002	3,72	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
5	Lê Thị Thu Uyên	28/02/2000	3,41	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47
6	Nguyễn Phạm Minh Nguyệt	09/09/2001	3,22	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
7	Nguyễn Võ Kim Phi	01/10/2002	3,60	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 25
8	Dương Anh Thư	02/01/2002	3,62	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
9	Bùi Tường Vi	09/02/2002	2,99	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 34
10	Hứa Văn Bảo	27/12/2001	3,33	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
11	Nguyễn Thị Kim Chi	30/05/2002	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
12	Bling Thị Dìu	12/05/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 26
13	Tôn Nữ Thùy Dương	30/12/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
14	Nguyễn Bảo Nhật Hiếu	06/12/1999	3,53	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 50
15	Nguyễn Lê Kim Khánh	30/08/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 68
16	Trương Thúy Liên	25/04/2001	3,76	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 75
17	Bríu Thị Loan	22/03/2002	3,39	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 80
18	Phạm Thị Mơ	20/08/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 88
19	Hồ Bảo Ngọc	24/05/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 102
20	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	07/09/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 117
21	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/04/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 125
22	Nguyễn Diệu Thảo	07/05/2002	3,63	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 156
23	Lê Văn Thương	08/12/2002	3,67	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 178
24	Nguyễn Thị Thanh Tiên	30/03/2002	3,62	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 185
25	Lê Hoàng Uyên	25/12/2002	3,63	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 209
26	Trần Lê Hà Giang	08/07/2002	3,55	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Nguyễn Thị Huyền	19/02/2001	3,30	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
28	Trần Thị Uyên Nhi	17/09/2002	3,35	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
29	Phạm Lê Anh Thư	02/12/2002	3,35	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
30	Đỗ Nguyễn Hoài Thuận	10/11/2002	3,84	Xuất sắc	3728/QĐ-ĐHĐN ngày 27/10/2020 21
31	Đặng Trần Kim Xuyến	16/10/2002	3,49	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 51
32	Đinh Thị Hồng Khánh	21/04/2003	3,45	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
33	Lê Thị Tường Vy	15/12/2002	3,32	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 36
34	Phan Trần Hải Anh	16/12/2002	3,17	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
35	Lại Thị Vân Anh	15/02/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
36	Poloong Thị Hằng	10/10/2002	3,18	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 43
37	Phan Thị Diệu Thảo	02/09/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 160
38	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/09/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 159
39	Lê Nguyễn Ru Tơ	13/11/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 186
40	Lê Thị Huyền Trang	13/12/2002	3,39	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 192
41	Hồ Thị Kiều Trang	17/10/2002	2,89	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 189
42	Bùi Thị Thùy Trang	03/09/2002	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 188
43	Đỗ Nhật Vy	11/01/2002	3,08	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 223
44	Phạm Thị Ngọc Mỹ	30/08/2002	3,67	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 21
45	Trần Thị Trúc	10/02/2002	3,69	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
46	Lê Đàm Phương Oanh	26/03/2002	3,69	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 23
47	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	19/08/2002	3,53	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
48	Nguyễn Thị Hồng Diễm	12/08/2002	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 25
49	Phan Japan	08/03/2002	3,52	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 65
50	Tạ Huỳnh Tú Lành	10/05/2002	3,39	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 71
51	Lương Thị Hồng Mơ	23/09/2001	3,34	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 87
52	Nguyễn Thị Nguyệt	17/07/2002	3,26	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 109
53	Nguyễn Thị Nhân	05/02/2002	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 114
54	Pơ Loong Thị Kim Oanh	13/03/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 131
55	Nguyễn Thị Tú Quyên	18/09/2002	3,74	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 142
56	Vũ Nguyễn Thanh Tâm	13/11/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 152
57	Huỳnh Thị Anh Thư	17/10/2002	3,00	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 175
58	Phạm Thị Thùy Trâm	08/01/2002	3,70	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 200
59	Nguyễn Hồ Thiên Trang	23/08/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 193

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
60	Vũ Thị Trang	14/04/2001	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 196
61	Lê Thanh Trúc	27/07/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 204
62	Lê Bích Vân	11/12/2002	3,62	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 215
63	Trần Thanh Hằng	21/09/2002	3,31	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
64	Nguyễn Quang Khải	12/07/2001	3,70	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
65	Nguyễn Thị Thanh Lịch	08/04/2002	3,42	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
66	Hồ Đặng Thu Dung	19/05/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
67	Lê Mỹ Duyên	29/09/2002	3,31	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 29
68	Nguyễn Trần Thùy Giang	28/05/2000	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 35
69	Trần Thị Trà Giang	04/11/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
70	Lê Thị Hằng	08/03/2002	3,30	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 42
71	Bùi Thị Mỹ Lệ	11/03/2002	3,08	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 73
72	Phạm Thị Diệu Linh	12/08/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 78
73	Nguyễn Thị Hồng Lý	22/09/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 84
74	Đặng Thị Thúy Nga	26/07/2002	3,60	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 97
75	Lê Thị Hồng Nhung	17/03/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 123
76	Trần Ngọc Quyên	06/08/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 143
77	Nguyễn Bá Thu Sương	31/08/2002	3,36	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 148
78	Trần Thị Thanh Tâm	22/04/2002	3,06	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 151
79	Lê Huyền Thanh	01/02/2002	2,87	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 154
80	Nguyễn Thị Thanh Thúy	03/07/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 173
81	Nguyễn Đình Hương Trà	02/01/2002	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 187
82	Nguyễn Quỳnh Trang	16/07/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 194
83	Nguyễn Tường Vi	29/09/2002	3,00	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 219

Ấn định danh sách này có 83 (tám mươi ba) sinh viên , trong đó có:

- 18 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 42 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 23 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

**DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Ngọc Bảo	08/03/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
2	Alăng Thị Diệp	01/05/2002	3,51	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
3	Lê Văn Công	23/11/2001	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
4	Đinh Thị Thu Hà	24/12/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
5	Đinh Nguyễn Thanh Hoàng	02/06/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
6	Đặng Hoàng Minh	26/10/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 23
7	Hồ An Ni	02/04/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
8	Nguyễn Thị Khánh Tiên	16/01/2002	3,39	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 35
9	Huỳnh Kim Kiệt	24/04/2002	3,19	Khá	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 4
10	Lê Trần Quốc Tâm	10/12/2002	3,59	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 7

Ấn định danh sách này có 10 (mười) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 7 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 3 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

**DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1145/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Thị Minh Hiếu	26/08/2002	3,55	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
2	Phan Đình Nghĩa	20/08/2002	3,60	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
3	Cao Thị Phương	24/04/2001	3,01	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
4	Nguyễn Thị Phương Chi	21/02/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
5	Dương Nguyễn Tịnh Đông	21/07/2002	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
6	Nguyễn Thị Hải	20/08/2002	2,90	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
7	Huỳnh Cao Huy	14/08/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
8	Nguyễn Tiến Sĩ	02/10/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 36
9	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/05/2002	3,08	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
10	Lê Trọng Thế	05/05/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
11	Lê Thị Thu	15/10/2002	3,53	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
12	Phạm Thị Thủy	15/10/2002	3,37	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
13	Thái Phan Thanh Tiền	02/02/2002	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47
14	Nguyễn Thị Thảo Trâm	16/05/2002	3,05	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 52
15	Trần Thị Minh Diệu	08/03/2002	3,26	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 3
16	Mai Thị Thủy Tiên	14/04/2002	3,18	Khá	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 13
17	Nguyễn Huyền Trang	23/07/2002	3,37	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 16

Ấn định danh sách này có 17 (mười bảy) sinh viên , trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 6 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 10 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 14 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Võ Thị Kiều	20/03/2002	3,42	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
2	Nguyễn Thị Trúc Ly	12/07/2002	3,43	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
3	Phan Thị Ly	27/09/2002	3,39	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020
4	Nguyễn Thị Hồng Anh	24/04/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
5	Phan Anh Đào	15/11/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
6	Ksor Dịu	11/12/2002	3,50	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
7	Nguyễn Hương Giang	26/04/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
8	Nguyễn Bá Hào	23/12/2002	2,79	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
9	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/10/2002	3,05	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
10	Nguyễn Thanh Hiếu	19/07/2002	3,81	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 16
11	Huỳnh Thị Như Ngọc	26/10/2002	3,53	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 27
12	Nguyễn Thị Như Quyên	20/10/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32

Ấn định danh sách này có 12 (mười hai) sinh viên , trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 9 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 2 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Hà Tường An	21/09/2002	3,51	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
2	Trần Thị Phương Anh	14/09/2002	3,46	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
3	Trương Thị Phương Dung	22/11/2002	3,44	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
4	Phùng Thị Mỹ Duyên	13/04/2002	3,35	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 22
5	Lê Đào Nhật Minh	05/09/2002	3,42	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 49
6	Phạm Thị Kim Ngân	18/07/2002	3,33	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 59
7	Đinh Thị Uyên Nhi	21/06/2002	3,68	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 71
8	Ngô Thị Yến Ny	16/04/2002	3,47	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 82
9	Nguyễn Thị Minh Phượng	08/04/2002	3,36	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 89
10	Lim Châu Quyên	20/11/2002	3,54	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 93
11	Ngô Thị Thúy Quỳnh	01/01/2002	3,60	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 96
12	Lê Thị Sáng	01/04/2002	3,36	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 99
13	Võ Thị Tâm	27/03/2002	3,73	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 100
14	Lê Hoài Thư	17/12/2001	3,68	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 112
15	Nguyễn Anh Thư	03/04/2002	3,61	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 114
16	Lê Thị Trang	06/11/2002	3,46	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 123
17	Huỳnh Thị Thùy Trang	13/07/2002	3,54	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 124
18	Lương Thị Thùy Trinh	01/07/2002	3,62	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 129
19	Trần Nguyễn Thanh Trúc	14/06/2002	3,28	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 132
20	Nguyễn Trần Hoài Anh	22/08/2002	3,73	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 147
21	Lê Thị Minh Anh	26/08/2002	3,30	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
22	Nguyễn Như Ngọc Anh	08/12/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
23	Trần Thị Ngọc Ánh	18/10/2002	3,71	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
24	Nguyễn Hà Anh	19/10/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
25	Nguyễn Kiều Anh	14/02/2002	3,46	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
26	Tôn Nữ Gia Bảo	30/10/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Nguyễn Hồ Duyên	10/08/2002	3,60	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
28	Võ Ngân Hà	24/01/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24
29	Y Ly Nguyễn Hào	06/11/2002	3,15	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 25
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/10/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
31	Văn Thanh Hiền	01/04/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
32	Nguyễn Thị Thanh Hương	31/10/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
33	Nguyễn Sông Hương	28/02/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
34	Rơ Châm Jiun	15/03/2001	2,96	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 42
35	Hà Nguyễn Thảo Ngân	11/10/2002	3,65	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 67
36	Ka Hiền Thị Ngân	01/12/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 68
37	Mai Thị Vũ Nguyên	01/07/2002	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 73
38	Nguyễn Thị Huỳnh Như	28/06/2002	3,53	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 85
39	Đặng Thị Hồng Nhung	27/08/2002	3,52	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 80
40	Hoàng Thị Hồng Nhung	24/07/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 81
41	Nguyễn Thị Thanh Phương	18/11/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 89
42	Phạm Thị Thanh Tâm	08/02/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 96
43	Nguyễn Thị Hạnh Thảo	18/12/2002	3,62	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 99
44	Nguyễn Thị Thuỷ	16/02/2002	3,33	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 108
45	Nguyễn Lê Huyền Trân	23/09/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 123
46	Hoàng Ánh Trúc	29/11/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 125
47	Lê Thị Ngọc Tuyền	20/06/2002	3,24	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 128
48	Trương Thị Lâm Tuyết	01/08/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 129
49	Huỳnh Thị Tường Vi	13/03/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 137
50	Lê Thị Yến Vi	27/03/2002	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 138
51	Võ Thị Khánh Vy	22/03/2002	3,41	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 147
52	Trương Thị Như Ý	27/08/2002	3,34	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 148
53	Phan Thị Vân Anh	21/06/2002	3,54	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
54	Nguyễn Thị Thanh Diễm	22/02/2002	3,45	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
55	Phạm Thị Hồng Diệu	23/04/2002	3,44	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 16
56	Huỳnh Hương Giang	11/11/2002	3,58	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 25
57	Huỳnh Thị Kiều Giang	11/05/2002	3,60	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 27
58	Từ Thị Bảo Hòa	29/05/1998	3,83	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 34
59	Nguyễn Thị Thu Hương	20/07/2002	3,49	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 36

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
60	Trần Thị Kiều	19/12/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 42
61	Phan Thị Cẩm Ly	10/07/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47
62	Bùi Thị Ngọc	03/07/2002	3,64	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 63
63	Trần Thị Thảo Nguyên	16/02/2002	3,62	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 68
64	Trần Thụy Yến Nhi	30/10/2002	3,45	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 72
65	Trần Thị Mỹ Nhung	03/09/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 79
66	Nguyễn Thị Thu Phương	01/06/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 86
67	Huỳnh Thị Bích Phượng	02/05/2002	3,60	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 90
68	Nguyễn Thị Diễm Phượng	06/11/2002	3,53	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 91
69	Nguyễn Thị Quyên	21/08/2002	3,18	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 94
70	Phạm Thị Như Quỳnh	20/09/2002	3,76	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 95
71	Nguyễn Thị Ma Ri	31/10/2002	3,43	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 98
72	Nguyễn Thị Yến Thảo	10/08/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 103
73	Nguyễn Thị Thủy Tiên	21/06/2002	3,73	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 117
74	Phạm Thị Thùy Trang	04/10/2002	3,51	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 126
75	Lê Thị Hoàn Huyền Trang	10/05/2002	3,47	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 128
76	Hồ Thị Phương Trinh	13/07/2002	3,63	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 130
77	Lê Thị Thanh Tuyền	31/01/2002	3,82	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 135
78	Ngô Thanh Tuyền	20/08/2002	3,41	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 136
79	Nguyễn Lê Vy	10/11/2002	3,47	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 142
80	Huỳnh Thanh Xuân	04/09/2002	3,48	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 144
81	Phan Thu Duyên	07/02/2001	3,45	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
82	Trần Thị Mỹ Duyên	28/03/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
83	Văn Thị Hiệp	08/03/2001	3,51	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 34
84	Võ Thị Kiều	07/02/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
85	Ating Liên	17/11/2002	3,36	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
86	Ngô Thị Hồng Linh	29/05/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 48
87	Nguyễn Mỹ Linh	13/12/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 49
88	Y Nang	01/01/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 63
89	Dương Thị Ngân	11/12/2002	3,80	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 66
90	Nguyễn Thị Kim Ngân	08/08/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 69
91	Trần Uyên Nhi	24/02/2002	3,68	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 79
92	Nguyễn Thị Bích Phượng	02/06/2002	3,43	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 88

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
93	Võ Thị Diễm Quỳnh	27/11/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 95
94	Nguyễn Thị Thơ	30/03/2002	3,62	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 105
95	Vũ Thị Thùy	17/10/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 109
96	Đỗ Hương Trà	15/12/2002	3,67	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 116
97	Lê Phạm Bích Trâm	26/10/2002	3,58	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 122
98	Bùi Thị Thùy Trang	02/02/2002	3,75	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 117
99	Nguyễn Kiều Trinh	22/12/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 124
100	Lê Thị Thanh Tú	06/10/2002	3,68	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 126
101	Lê Bảo Ngọc Uyên	25/03/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 130
102	Đặng Thị Hiền Vi	30/04/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 136
103	Lê Thị Tường Vy	10/02/2002	3,60	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 144
104	Trần Nguyễn Thị Vân Anh	17/10/2002	3,49	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
105	Lê Thị Ngọc Hà	03/10/2002	3,10	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 29
106	Trần Thị Như Hoà	23/04/2002	3,28	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
107	Nguyễn Thị Hoa	22/03/2002	3,45	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
108	Phạm Thị Ái Huyền	08/08/2001	3,29	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
109	Phạm Thị Hồng Huyền	27/01/2002	3,53	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 37
110	Dương Khánh Linh	06/10/2002	3,56	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
111	Nguyễn Thị Mỹ Linh	04/11/2002	3,25	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 46
112	Huỳnh Trần Hải Lý	13/07/2002	3,33	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 48
113	Đặng Thị Nga	04/12/2002	3,41	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 52
114	Nguyễn Thị Thùy Nga	20/10/2002	3,62	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 54
115	Bùi Thị Thu Ngân	13/10/2002	3,54	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 56
116	Bùi Thanh Nhung	09/12/2002	3,20	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 76
117	Nguyễn Thị Trang Nhung	15/10/2001	3,50	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 77
118	Nguyễn Thị Nhung	20/05/2002	3,43	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 81
119	Võ Thị Ngân Phương	28/01/2002	3,35	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 87
120	Phan Thị Hoài Thanh	14/12/2002	3,42	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 101
121	Lê Thị Thảo	06/10/2002	3,72	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 104
122	Phan Thị Bích Thùy	08/08/2002	3,47	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 115
123	Ngô Thị Phương Tình	10/05/2002	3,78	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 120
124	Hoàng Ngọc Tuyên	06/06/2002	3,23	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 134
125	Trần Thị Bích Vân	24/10/2002	3,31	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 139

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
126	Chờ Rum Anh	04/06/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
127	Lê Tuyết Anh	19/11/2002	3,63	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
128	Trần Thị Bích Anh	08/02/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
129	Alăng Thị Âu	17/10/2002	3,31	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
130	Nguyễn Thị Thanh Duyên	20/04/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 16
131	Nguyễn Thị Diệu Hân	29/07/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 29
132	Phạm Thị Thu Hằng	10/03/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 26
133	Nguyễn Thị Thanh Linh	27/07/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 51
134	Trần Thị Diệu Loan	12/06/2002	3,38	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 54
135	Bùi Thị Ly	02/02/2002	3,38	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 57
136	Phạm Khánh Ly	02/09/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 58
137	Nguyễn Thị My	14/03/2002	3,70	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 62
138	Đào Thị Huyền Ngọc	22/04/2002	3,56	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 70
139	Hồ Lê Hạ Nguyên	02/07/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 72
140	Đặng Nguyễn Diệu Nhi	04/08/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 75
141	Lê Cẩm Nhung	29/08/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 82
142	Nguyễn Thị Ánh Nhung	26/11/2002	3,79	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 83
143	Phan Thị Bảo Quyên	20/02/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 93
144	Trịnh Phan Thanh Tâm	04/10/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 97
145	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/02/2002	3,78	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 101
146	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/04/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 100
147	Nguyễn Kim Thu	01/10/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 106
148	Nguyễn Thị Thương	20/09/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 112
149	Nguyễn Thị Xuân Tiên	02/09/2001	3,45	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 114
150	Trần Tịnh Uyên	01/01/2002	3,59	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 134
151	Lê Thị Tường Vân	24/07/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 135
152	Nguyễn Thùy Vin Vin	17/02/2002	3,80	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 140
153	Dương Thị Vòng	01/08/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 141
154	Nguyễn Thị Mỹ Vy	28/10/2002	3,33	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 146
155	Phạm Ngọc Anh	14/10/2002	3,72	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
156	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	21/03/2002	3,35	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
157	Bùi Thị Thu Dung	07/01/2002	3,82	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
158	Lê Nguyễn Thùy Duyên	08/02/2002	3,62	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
159	Nguyễn Thục Hiền	28/05/2002	3,62	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 31
160	Đặng Trần Văn Khánh	16/08/2002	3,46	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
161	Huỳnh Thị Hoàng Khuyên	22/06/2002	3,35	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
162	Nguyễn Thị Hồng Kiều	10/02/2002	3,87	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
163	Mai Nguyễn Bích Liên	19/05/2002	3,71	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 43
164	Phan Ngọc Thùy Linh	01/11/2002	3,62	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
165	Phạm Hoàng Linh Nga	29/11/2002	3,38	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 51
166	Nguyễn Thị Hồng Ngân	23/08/2002	3,53	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 55
167	Nguyễn Thị Kim Ngân	22/11/2002	3,45	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 57
168	Phạm Thị Diễm Ngân	19/12/2002	3,39	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 58
169	Poloong Thị Ngờ	01/01/2002	3,66	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 60
170	Lê Thị Ánh Ngọc	17/05/2002	3,74	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 62
171	Trần Thị Bích Ngọc	06/12/2002	3,27	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 65
172	Lê Thị Thanh Nhân	28/07/2002	3,46	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 69
173	Nguyễn Thị Hà Phương	18/08/2002	3,85	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 85
174	Cù Nguyễn Nguyên Thảo	10/01/2002	3,46	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 106
175	Ngô Thị Phương Thảo	28/04/2002	3,00	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 107
176	Nguyễn Thị Thu Thủy	12/01/2002	3,48	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 116
177	Nguyễn Thị Xuân Trinh	09/01/2002	3,62	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 131
178	Phan Thị Ánh Tuyết	05/05/2002	3,30	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 137
179	Nguyễn Thị Tường Vi	30/06/2002	3,41	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 140
180	Trần Hoàng Xuân	18/10/2002	3,60	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 143
181	Ngô Huệ Chi	01/09/2002	3,19	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
182	Lưu Thị Trà Giang	19/09/2002	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
183	Vũ Thị Minh Hằng	15/12/2001	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
184	Trần Thị Hiền	05/07/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
185	Nguyễn Thị Minh Hiếu	03/04/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 35
186	Nguyễn Thị Như Huỳnh	26/05/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
187	Huỳnh Thị Thúy Kiều	10/10/2002	3,36	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 43
188	Đặng Thị Mỹ Lợi	17/08/2002	3,50	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 56
189	Đặng Thị Thúy Nga	06/01/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 64
190	Nguyễn Phạm Tuyết Nhi	02/07/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 78
191	Hà Thị Lệ Nhi	15/07/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 76

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
192	Lê Vũ Quỳnh Nhi	15/08/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 77
193	Phạm Hoài Nhã Phương	17/06/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 90
194	Võ Thị Thu Thảo	21/09/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 103
195	Nguyễn Thị Thảo	23/09/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 102
196	Phạm Thị Hoài Thương	19/10/2002	3,52	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 113
197	Tôn Nữ Hà Trang	09/03/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 120
198	Võ Thị Thùy Trang	07/01/2002	3,53	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 121
199	Nguyễn Thị Phương Uyên	08/08/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 132
200	Nguyễn Thị Bảo Uyên	05/07/2002	3,38	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 131
201	Lê Nguyễn Nhã Vy	14/02/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 143

Ấn định danh sách này có 201 (hai trăm linh một) sinh viên , trong đó có:

- 52 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 134 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 15 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

**DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 17 tháng 5 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hoàng Bích	Giang	05/01/2002	3,31	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
2	Nguyễn Thị	Hoa	11/04/2002	3,50	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
3	Kiều Vũ Diệu	Linh	02/08/2002	3,21	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
4	Vũ Khánh	Vy	24/10/2002	3,17	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
5	Nguyễn Trần Thanh	Thanh	07/03/2002	3,06	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
6	Bùi Võ Hoàng	Trúc	25/02/2002	3,43	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
7	Nguyễn Đức	Anh	26/10/2002	3,24	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
8	Lương Thị Ngọc	Ánh	07/07/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
9	Ngô Thị	Diễm	25/08/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
10	Nguyễn Hạ	Giang	30/10/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
11	Ngô Thị Thu	Hà	27/04/2002	3,33	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
12	Võ Thị Thu	Hằng	20/12/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
13	Nguyễn Kiều	Hạnh	14/02/2002	3,36	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
14	Phạm Thị	Hiền	19/02/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
15	Trần Nguyễn Ngọc	Hiếu	26/11/2002	3,03	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
16	Nguyễn Thị Thu	Huyền	01/06/2002	3,66	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
17	Lê Thị	Liễu	29/09/2002	3,03	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
18	Lê Thị	Linh	06/04/2002	3,52	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 16
19	Nguyễn Thị Thanh	Ngà	28/08/2002	3,37	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
20	Nguyễn Thị Xuân	Ngọc	23/08/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
21	Bùi Thị Duy	Oanh	14/07/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 21
22	Huỳnh Thị Anh	Thư	27/02/2002	3,60	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24
23	Bùi Ngọc	Ánh	10/02/2002	3,27	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 1
24	Nguyễn Trần Gia	Hân	16/02/2002	3,33	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 2
25	Trần Thị Minh	Hiếu	10/09/2002	3,32	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 3
26	Dương Thiên	Lam	08/03/2002	3,23	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 4



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Nguyễn Hồng Hải Linh	11/12/2002	3,30	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 5
28	Trần Thị Thanh Mai	12/06/2002	3,26	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 6
29	Đặng Thị Lan Phương	26/03/2001	3,28	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 8
30	Nguyễn Đặng Yến Phương	09/12/2002	3,27	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 9
31	Lê Hoàng Bích Trâm	22/09/2002	3,36	Giỏi	3647/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 10

Ấn định danh sách này có 31 (ba mươi một) sinh viên , trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 23 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 6 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình *pho*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn



**DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 17 tháng 5 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Hồng Phương	25/12/2002	3,07	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
2	Trần Vũ Thùy Trang	25/11/2002	3,30	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
3	Nguyễn Thị Ánh	13/02/2002	3,61	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
4	Hồ Thị Kim Ánh	25/06/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
5	Trần Như Bình	06/12/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
6	Trần Thị Phương Chi	23/06/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
7	Nguyễn Thị Anh Đào	10/07/2002	3,01	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 25
8	Cao Thị Bích Diễm	15/04/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 16
9	Nguyễn Thị Dung	18/05/2002	3,15	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
10	Trịnh Thu Hà	28/08/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
11	Nguyễn Thị Da Hân	24/04/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 37
12	Lê Thị Hạnh	04/06/2002	2,86	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 31
13	Dương Thị Hiền	01/01/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
14	Trịnh Thị Hiền	30/04/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 43
15	Thái Việt Hoa	13/12/2001	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 46
16	Lê Thị Như Hoài	24/09/2002	3,50	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 49
17	Đinh Thị Ngọc Huyền	26/09/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 52
18	Trần Thị Lan	01/01/2002	3,24	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 61
19	Trần Thị Thuý Liễu	17/01/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 64
20	Trần Thị Yên Ly	16/11/2002	3,61	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 73
21	Nguyễn Thị Yến Ly	07/12/2001	2,89	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 70
22	Hiền Thị My	27/10/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 76
23	Ung Thị Năm	19/12/2002	3,45	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 85
24	Nguyễn Thị Ánh Nga	07/07/2002	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 88
25	Trần Thanh Ngân	15/08/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 91
26	Đinh Thị Thanh Nhã	20/06/2002	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 97



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Y Nhung	14/12/2002	3,24	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 103
28	Ung Thị Thu Phước	24/02/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 112
29	Trần Thị Minh Phượng	10/03/2002	3,46	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 118
30	Nguyễn Thị Hoài Phương	11/10/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 115
31	Cai Thị Diễm Quỳnh	31/03/2002	3,66	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 121
32	Huỳnh Thị Sura	10/07/2002	3,06	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 124
33	Nguyễn Thị Thái	04/09/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 127
34	Trương Thị Phương Thảo	21/06/2002	3,31	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 139
35	Hoàng Thị Thảo	16/10/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 133
36	Hồ Thị Anh Thư	10/04/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 154
37	Nguyễn Thị Thúy	11/04/2002	3,34	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 151
38	Nguyễn Thị Thuý	14/10/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 145
39	Trần Thị Huyền Trâm	04/12/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 169
40	Trần Thị Thu Trang	12/07/2002	2,99	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 166
41	Nguyễn Quỳnh Trang	14/12/2002	3,31	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 163
42	Đào Thị Đoan Trang	25/09/2002	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 160
43	Hồ Thị Thùy Trinh	16/02/2002	3,18	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 172
44	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	25/08/2002	3,08	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 175
45	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	16/03/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 178
46	Ngô Thị Nhã Viên	18/10/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 184
47	Mai Thị Thanh Lan	12/07/2002	3,40	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
48	Nguyễn Thị Thảo Tuyết	02/02/2002	3,68	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
49	Nguyễn Ngọc Ánh	01/01/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
50	Trần Thị Hoàng Anh	06/04/2002	2,95	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
51	Trương Thị Kim Chi	19/03/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 14
52	Phạm Thị Thùy Dung	20/11/2002	3,05	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
53	Phan Thị Mỹ Duyên	30/09/2001	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 23
54	Nguyễn Thị Thanh Hằng	19/07/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 35
55	Lê Thị Mỹ Hạnh	03/10/2002	2,78	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
56	Bùi Thị Kim Hậu	01/05/2002	2,63	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
57	Giang Sinh Hiêng	07/05/2002	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
58	Hồ Thị Bích Hồng	26/05/2002	3,17	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 50
59	Nguyễn Thị Huyền	01/08/2002	3,41	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 53

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
60	Nguyễn Thị Thanh Luyến	25/01/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 68
61	Từ Thị Khánh Ly	27/06/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 71
62	Phan Nữ Lê Na	29/03/2002	3,33	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 83
63	Lê Thị Ngân Ngà	01/01/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 89
64	Nguyễn Thị Như	12/08/2002	2,75	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 107
65	Nguyễn Thị Hồng Nhung	25/08/2002	3,26	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 101
66	Trần Thị Diễm Quy	02/09/2002	2,95	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 119
67	Nguyễn Như Quỳnh	03/01/2002	3,26	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 122
68	Hoàng Thị Tinh Sương	01/05/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 125
69	Hoàng Thị Thắm	25/12/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 140
70	Nguyễn Thị Thanh	25/08/2002	3,41	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 131
71	Nguyễn Thị Thảo	02/12/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 137
72	Hoàng Thị Anh Thư	20/10/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 155
73	Nguyễn Thị Hà Thu	10/05/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 143
74	Nguyễn Thị Thương	04/02/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 158
75	Văn Thị Thu Thúy	10/08/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 152
76	Phạm Thị Hồng Thủy	21/04/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 149
77	Nguyễn Thị Thu Thùy	22/06/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 146
78	Đặng Thị Trang	03/06/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 161
79	Nguyễn Thị Thu Trang	01/06/2002	3,15	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 164
80	Nguyễn Thị Tuyền	20/09/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 176
81	Lê Thị Thảo Vân	06/06/2002	2,89	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 179
82	Đỗ Thị Lệ Vi	02/01/2002	2,91	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 182
83	Đặng Thị Hà Vy	31/05/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 185
84	Nguyễn Thị Hiền	11/03/2002	3,29	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
85	Nguyễn Thị Tài Linh	19/05/2002	3,59	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
86	Võ Thị Hiền Lương	14/01/2002	3,23	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
87	Nguyễn Thị Hạ My	26/05/2002	3,65	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
88	Trương Đình Vân Anh	29/03/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
89	Nguyễn Ngọc Ánh	01/07/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
90	Hoàng Thị Thanh Bình	25/10/2001	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
91	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12/06/2002	3,43	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
92	Lê Thị Thùy Dung	26/07/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
93	Lê Thị Thùy Dương	25/10/2000	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24
94	Nguyễn Thị Hà	24/08/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 27
95	Nguyễn Thị Thúy Hằng	11/04/2002	3,37	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 36
96	Bùi Thị Hạnh	13/04/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
97	Lê Thái Thanh Hào	14/02/2002	3,01	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
98	Nghiêm Thị Thu Hậu	16/11/2001	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
99	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/10/2001	2,95	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 42
100	Trần Thị Phương Hiếu	02/09/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
101	Lê Thị Hoài	01/01/2002	3,06	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 48
102	Nguyễn Trần Phương Khanh	09/11/2002	3,38	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 57
103	Nguyễn Thị Ngọc Lan	22/03/2002	3,26	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 60
104	Trịnh Thị Mỹ Lệ	28/02/2001	2,82	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 63
105	Trần Thảo Linh	02/11/2002	3,24	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 66
106	Trần Nguyễn Thảo Ly	23/10/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 72
107	Nguyễn Thị Khánh Ly	02/11/2002	3,01	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 69
108	Nguyễn Thị Kiều My	25/02/2002	3,37	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 78
109	Nguyễn Thị Thùy Mỹ	14/07/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 81
110	Phạm Thị Phương Na	29/05/2002	3,74	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 84
111	Đỗ Thị Ngọc Ngân	14/01/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 90
112	Nguyễn Thị Yên Nhi	07/01/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 99
113	Lê Quỳnh Như	16/04/2002	3,33	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 105
114	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/04/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 108
115	Lê Thị Kim Phụng	25/11/2002	3,39	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 111
116	Hồ Thị Kim Phượng	01/01/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 117
117	Rah Lan H' Suki	12/04/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 123
118	Bùi Thị Tâm	18/09/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 126
119	Nguyễn Ngọc Thanh	04/11/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 129
120	Phan Thị Thanh Thanh	09/06/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 132
121	Phan Thị Thu Thảo	20/01/2002	3,50	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 138
122	Đặng Ngọc Thư	16/10/2001	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 153
123	Nguyễn Thị Thuận	26/02/2002	3,33	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 144
124	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/09/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 156
125	Phạm Thị Thu Thủy	20/02/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 150

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
126	Đỗ Thị Thu Thủy	18/05/2002	3,39	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 147
127	Lê Thị Tình	10/10/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 159
128	Phan Thị Kiều Trang	24/11/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 165
129	Đặng Thị Lan Trinh	20/11/2002	3,61	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 171
130	Nguyễn Lê Ngọc Thùy Trang	30/03/2002	3,26	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 162
131	Nguyễn Thị Tú	10/07/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 174
132	Đinh Thị Hồng Tuyết	27/12/2000	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 177
133	Nguyễn Thị Tường Vi	23/01/2002	3,17	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 183
134	Nguyễn Nguyên Tường Vy	27/11/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 186

Ấn định danh sách này có 134 (một trăm ba mươi bốn) sinh viên , trong đó có:

- 7 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 66 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 61 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình *ph*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn



DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	13/11/2001	2,63	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
2	Đinh Tiến Lên	09/02/2002	3,28	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 22
3	Nguyễn Lê Trần Phú	30/11/2002	3,55	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 32
4	Trần Thị Thanh Phượng	03/10/2001	3,07	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 34
5	Nguyễn Thị Thanh Giang	02/09/2002	3,05	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
6	Đặng Thị Bích Lài	21/07/2002	3,64	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
7	Huỳnh Quốc Toàn	16/04/2002	3,17	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 76
8	Lê Thị Như Anh	28/02/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
9	Mai Văn Diệp	03/07/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
10	Lê Thị Thùy Dung	20/02/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 16
11	Hồ Thị Kiều Linh	14/07/2002	3,51	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
12	Thái Thị Thanh Ngân	01/10/2002	3,05	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
13	Bùi Nguyễn Nhật Tân	12/12/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 58
14	Dương Quốc Nguyên Trường	10/12/2002	3,01	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 74
15	Trần Thanh Vũ	23/09/2002	3,43	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 83
16	Hạ Minh Chương	25/12/2002	2,80	Khá	3646/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 2
17	Phan Đình Ngọc Diệp	18/04/2002	3,08	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
18	Trần Thị Bích Thuận	01/01/2001	2,65	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 45
19	Lê Mai Văn Hoàng	11/06/2002	2,60	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 29
20	Đặng Thị Phương Lan	31/08/2002	3,36	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 42
21	Vũ Hoài Nam	04/11/2002	2,97	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 53
22	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/07/2002	3,41	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 62
23	Huỳnh Tấn Lộc	19/05/2002	2,86	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
24	Bùi Thị Ngọc Ngân	12/09/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
25	Nguyễn Thị Thu Trang	02/08/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 70
26	Vũ Hà Nam	11/10/2002	3,29	Giỏi	3646/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 12



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Nguyễn Trọng Thanh Vinh	14/11/2001	3,44	Giỏi	4036/QĐ-ĐHĐN ngày 13/11/2020 5
28	Huỳnh Thị Minh Hiền	16/07/2002	2,85	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
29	Cao Nhật Nhon	08/10/2002	2,93	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
30	Bùi Thị Thu Thảo	20/10/2002	2,94	Khá	3646/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 20

Ấn định danh sách này có 30 (ba mươi) sinh viên , trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 11 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 18 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình *meu*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn



DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Dương Thị Thu Hà	02/01/2002	3,03	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
2	Ngô Thị Mỹ Lanh	19/04/2002	2,96	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
3	Nguyễn Hoàng Yến	11/11/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
4	Phạm Thị Như Quỳnh	01/11/2002	2,98	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020

- Ấn định danh sách này có 4 (bốn) sinh viên , trong đó có:
- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
 - 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
 - 3 sinh viên Xếp loại Khá
 - 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

**DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

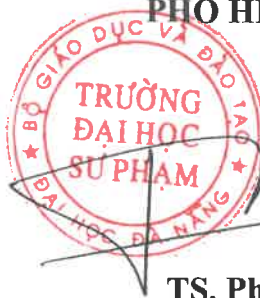
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trương Quốc Khánh	24/12/2002	3,08	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 0 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 1 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Hóa dược						
1	Ngô Doãn	Long	01/12/2000	2,70	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
2	Y	Ngân	21/01/2002	2,71	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
3	Hoàng Thúy	Quỳnh	05/01/2002	2,74	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
4	Đặng Thị Thùy	Dương	06/11/2002	2,65	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
5	Nguyễn Lê	Hân	08/04/2002	3,64	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
6	Trần Thị	Trâm	01/10/2002	2,89	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
7	Nguyễn Thị	Trang	28/02/1999	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
8	Đỗ Trà	Trúc	23/06/2002	3,20	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
9	Nguyễn Thúy	Hằng	08/06/2002	3,35	Giỏi	3646/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 1
10	Nguyễn Lê Ánh	Nguyệt	01/03/2002	2,83	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020
11	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	03/10/2002	3,72	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020

Ấn định danh sách này có 11 (mười một) sinh viên , trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 3 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 6 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

**DANH SÁCH NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 17 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Phan Hoàng Tú Nguyên	17/10/2002	3,31	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

**DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1745/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Ứng dụng CNSH trong Nông nghiệp - Dược liệu - Môi trường					
1	Phạm Tài Dũng	19/05/2002	3,15	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
2	Trần Thị Mỹ Duyên	08/06/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
3	Bùi Thị Phương Liên	24/11/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
4	Trương Công Phát	12/12/2002	3,24	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
5	Phan Võ Tiểu Yên	22/07/2002	2,97	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15

Ấn định danh sách này có 5 (năm) sinh viên ; trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 2 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 3 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình *ph*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH VĂN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1145/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Huỳnh Như Quỳnh	29/06/2002	3,56	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	20/07/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
3	Lê Đức Minh	17/04/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
4	Nguyễn Anh Quân	18/08/2002	2,85	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 21
5	Hoàng Thị Lan Trinh	31/05/2002	3,73	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 31
6	Trần Thị Xuân Yên	15/02/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
7	Võ Thị Kiều Oanh	19/05/2002	3,43	Giỏi	3646/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 3

- Ấn định danh sách này có 7 (bảy) sinh viên , trong đó có:
- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
 - 3 sinh viên Xếp loại Giỏi
 - 3 sinh viên Xếp loại Khá
 - 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

**DANH SÁCH NGÀNH VĂN HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Nữ Nhi	25/01/2002	3,54	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
2	Nguyễn Thị Phương Trinh	05/10/2002	3,48	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
3	Huỳnh Thị Kiều Diễm	20/01/2002	2,93	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
4	Nguyễn Quốc Cường	02/06/1999	3,02	Khá	3646/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 1

Ấn định danh sách này có 4 (bốn) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 2 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 2 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

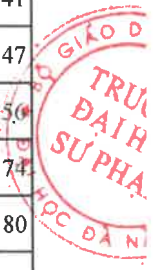
**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH BÁO CHÍ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1545/QĐ-ĐHSP ngày 17 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Hàn Ny	17/02/2001	3,24	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
2	Nguyễn Thị Lệ Thành	29/06/2002	3,42	Giỏi	3839/QĐ-ĐHĐN ngày 03/11/2020 43
3	Đỗ Nhật Huy	09/05/2002	2,94	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 25
4	Nguyễn Thị Cẩm Ly	02/09/2002	2,82	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
5	Phạm Hoài Nam	15/04/2002	3,01	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47
6	Phan Thanh Nguyên	03/05/1999	3,58	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 50
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	31/08/2002	3,20	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 74
8	Đoàn Ngọc Anh Thư	17/05/2002	2,95	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 80
9	Lưu Công Hoàng	04/09/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
10	Lê Dương Thị Mỹ Linh	27/10/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
11	Trần Thị Minh Nguyệt	05/07/2002	3,04	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 71
12	Võ Thy Phước	10/01/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 78
13	Lê Hà Phương Thảo	08/04/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 93
14	Thân Đức Tinh	03/01/2002	3,64	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 109
15	Doãn Ngọc Trân	21/02/2002	2,92	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 115
16	Mai Tấn Trường	29/11/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 119
17	Nguyễn Thị Thanh Giang	12/10/2002	3,80	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
18	Ngô Quang Hiếu	01/12/2002	2,97	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
19	Phạm Thị Phương Linh	10/02/2002	3,43	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 21
20	Trần Huyền Nguyên Phước	14/09/2002	3,17	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
21	Lê Nguyễn Diễm Quỳnh	18/06/2002	3,50	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 46
22	Mai Hà Thế Vinh	14/11/2002	3,69	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 68
23	Trịnh Minh Châu	13/05/2002	3,29	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
24	Hoàng Thị Xuân Mai	25/02/2002	3,42	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 42
25	Nguyễn Văn Anh	13/02/2002	3,05	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
26	Nguyễn Thị Diệu Hà	14/03/2002	3,85	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 23



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Dương Trường Khánh	07/10/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
28	Đặng Nhật Minh	27/07/2002	3,28	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 53
29	Đinh Kim Thủy	23/10/2002	3,26	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 102
30	Huỳnh Võ Trãi	31/08/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 110
31	Đoàn Quang Vũ	17/08/2002	3,10	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 134
32	Nguyễn Thị Thùy Công	04/06/2002	3,18	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
33	Nguyễn Thị Thanh Trâm	18/07/2002	2,96	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 57
34	Nguyễn Thị Trang	07/07/2002	3,25	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 60
35	Nguyễn Thị Thanh Vy	26/01/2002	3,24	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 69
36	Lê Phước Thùy Dung	04/04/2002	3,14	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
37	Nguyễn Công Nguyên	09/05/2000	3,20	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 55
38	Huỳnh Thị Thu Thúy	29/03/2002	2,98	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 79
39	Huỳnh Thị Hậu	19/12/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 27
40	Trần Mai Xuân Hoa	18/02/2002	3,07	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
41	Lê Li Na	28/08/2002	2,93	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 57
42	Nguyễn Thị Nga	23/02/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 63
43	Võ Lê Anh Ngọc	07/06/2002	3,08	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 69
44	Nguyễn Thị Thảo Nhi	11/08/2002	3,18	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 74
45	Lê Thị Phượng	09/01/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 82
46	Hồ Thị Khánh Quỳnh	19/07/2002	3,06	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 88

Ấn định danh sách này có 46 (bốn mươi sáu) sinh viên , trong đó có:

- 4 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 18 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 24 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH BẢO CHÍ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 14 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Dương Đặng Anh Tùng	05/06/2002	3,40	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH VIỆT NAM HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Văn hóa - Du lịch					
1	Phạm Thị Thùy Linh	27/10/2002	3,67	Xuất sắc	3839/QĐ-ĐHĐN ngày 03/11/2020 2
2	Phan Lê Cẩm Ly	18/06/2002	3,21	Giỏi	3839/QĐ-ĐHĐN ngày 03/11/2020 3
3	Cao Ngọc Khánh An	26/07/2002	3,12	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
4	Kỳ Thị Quỳnh Anh	26/05/2002	3,05	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
5	Lê Thị Định	29/03/2002	3,02	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
6	Nguyễn Thị Nguyên Hạ	23/05/2002	3,00	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
7	Võ Hoàng	16/08/2002	2,92	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 21
8	Đinh Trần Văn Khánh	28/01/2002	3,16	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 26
9	Lê Anh Lai	31/08/2002	3,18	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 27
10	Nguyễn Thị Huỳnh Như	07/05/2002	3,49	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
11	Phạm Thị Minh Phương	19/09/2002	3,51	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 43
12	Mai Trần Diễm Quyên	14/06/2002	3,34	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47
13	Võ Thị Bình	12/10/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
14	Nguyễn Nguyên Nhật Hà	09/10/2002	3,73	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 31
15	Trần Thị Duy Hạ	12/06/2002	3,06	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
16	Dương Đàm Ngọc Hân	13/09/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 43
17	Nguyễn Thùy Hương	09/12/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 61
18	Nguyễn Gia Huy	05/11/2002	2,94	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 55
19	Bùi Thị Yến Linh	20/06/2002	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 70
20	Nguyễn Thảo Nguyên	12/07/2002	3,60	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 99
21	Phan Thị Nhật Nguyệt	14/08/2002	3,18	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 102
22	Bùi Thị Sương Nhi	01/03/2002	3,26	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 106
23	Nguyễn Mạnh Quân	04/05/2002	2,91	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 127
24	Hồ Thị Thanh Thảo	21/02/2002	3,53	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 139
25	Trần Thị Thanh Thảo	01/08/2002	3,43	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 144



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Nguyễn Thị Thuận	17/12/2002	3,56	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 151
27	Dương Thủy Tiên	17/06/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 160
28	Phan Thị Thu Trang	26/07/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 169
29	Nguyễn Thị Hoài Trinh	20/12/2002	3,27	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 176
30	Lê Khánh Vân	20/10/2002	3,57	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 183
31	Nguyễn Thị Viên	11/10/2002	3,60	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 186
32	Bùi Thị Hồng Vy	20/08/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 193
33	Võ Thị Hải Yến	15/04/2002	3,19	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 200
34	Đoàn Trương Minh Anh	06/08/2002	3,89	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
35	Nguyễn Thị Trang Đài	14/01/2002	2,95	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
36	Lưu Thị Kiều Diễm	16/09/2002	3,22	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
37	Văn Quốc Đông	26/09/2002	2,93	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
38	Nguyễn Thị Thu Dung	13/03/2002	3,11	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
39	Lê Thị Lài	10/05/2002	3,34	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 28
40	Lê Thị Yến Nhi	17/01/2002	3,38	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
41	Huỳnh Thị Tường Ny	27/07/2002	3,09	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 35
42	Đặng Thị Kim Phi	07/07/2002	3,17	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
43	Nguyễn Thị Minh Phương	26/02/1999	3,39	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 42
44	Nguyễn Trương Diễm Quỳnh	24/01/2002	3,49	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 49
45	Lê Thanh	05/01/2002	3,35	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 52
46	Nguyễn Thị Lệ Thu	22/03/2002	3,18	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 54
47	Phan Thị Thanh Thủy	22/11/2002	3,06	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 56
48	Trần Ngọc Diệu Trân	25/07/2002	3,03	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 65
49	Trần Thị Thùy Trang	24/06/2002	3,37	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 62
50	Nguyễn Việt Trinh	09/12/2002	3,10	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 67
51	Nguyễn Thị Thanh Trúc	16/07/2002	3,76	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 69
52	Võ Lê Dân Tuấn	30/09/2002	3,23	Giỏi	3839/QĐ-ĐHĐN ngày 03/11/2020 16
53	Trần Thị Chung	23/01/2002	3,31	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
54	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	01/08/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
55	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12/07/2002	3,00	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
56	Nguyễn Thị Thanh Duyên	23/10/2002	3,31	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 23
57	Phạm Quế Hằng	29/01/2002	3,53	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
58	Hoàng Tuấn Hiệp	03/04/1996	3,63	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47

50C
 RUC
 A1H
 PH
 C ĐA

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
59	Nguyễn Thị Huế	29/10/2002	3,62	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 54
60	Lục Thị Thùy Linh	05/10/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 71
61	Đặng Lê Hoàng Nguyên	22/10/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 97
62	Huỳnh Thị Hà Nhân	15/06/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 104
63	Nguyễn Thị Quỳnh Như	05/12/2002	3,52	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 115
64	Thân Thị Bích Phượng	05/03/2002	3,35	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 123
65	Đào Nguyễn Linh Phương	23/12/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 119
66	Hồ Ngọc Quang	05/04/2002	3,29	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 124
67	Lê Ngọc Thành	31/08/2002	3,38	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 138
68	Kiều Xuân Thành	28/03/2002	2,95	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 137
69	Thân Thị Thu Thảo	06/09/2002	3,34	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 143
70	Phạm Thị Minh Thư	05/02/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 157
71	Nguyễn Trần Khánh Thư	02/07/2002	3,30	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 155
72	Lê Nguyễn Thu Thùy	10/10/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 152
73	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	15/05/2002	3,46	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 161
74	Trần Thị Huyền Trâm	10/11/2002	3,62	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 174
75	Nguyễn Thị Cẩm Trinh	20/08/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 175
76	Đỗ Thị Bích Vân	28/07/2002	3,53	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 182
77	Võ Viết Việt	21/02/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 189
78	Lương Văn Vũ	27/01/2002	2,97	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 191

Ấn định danh sách này có 78 (bảy mươi tám) sinh viên , trong đó có:

- 9 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 39 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 30 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

**DANH SÁCH NGÀNH VIỆT NAM HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 21 tháng 5 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Văn hóa - Du lịch					
1	Dương Thùy Linh	18/12/2002	3,82	Xuất sắc	3646/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 3

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên , trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 0 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH LỊCH SỬ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1245/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Quan hệ Quốc tế					
1	Võ Tá Đạt	04/12/2001	3,28	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
2	Lê Thị Anh Giang	14/04/2002	3,63	Xuất sắc	3839/QĐ-ĐHĐN ngày 03/11/2020 11
3	Phan Nhật Mẫn	25/04/2002	3,42	Giỏi	3839/QĐ-ĐHĐN ngày 03/11/2020 12
4	Lê Hoàng Thùy Nhung	27/08/2002	3,57	Giỏi	3839/QĐ-ĐHĐN ngày 03/11/2020 13
5	Tạ Thủy Tiên	18/06/2002	3,51	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
6	Lê Thị Ni Na	26/04/2002	3,61	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
7	Đặng Đức Phương	16/01/2002	3,39	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
8	Lê Thị Thanh Thủy	21/06/2001	3,93	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
9	Võ Quốc Thái	26/12/2002	3,19	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
10	Nguyễn Lê Thi Ngân	28/04/2002	3,18	Khá	3646/QĐ-ĐHĐN ngày 22/10/2020 1

Ấn định danh sách này có 10 (mười) sinh viên , trong đó có:

- 3 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 2 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH ĐỊA LÝ HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: ~~1045~~ /QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Địa lý du lịch					
1	Nguyễn Thị Thanh Bình	13/02/2002	3,41	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 1
2	Phùng Thị Kim Cương	20/11/2002	3,40	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
3	Nguyễn Minh Hằng	31/12/2002	3,21	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 10
4	Trần Thị Minh Phương	07/08/2002	3,28	Giỏi	3839/QĐ-ĐHĐN ngày 03/11/2020 21
5	Nguyễn Thị Kim Hoa	13/08/2002	3,33	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 12
6	Nguyễn Tùng Linh	06/11/2002	3,38	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18
7	Trần Tây Thy	30/09/2002	3,21	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
8	Nguyễn Thị Huyền Trâm	05/10/2002	3,19	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47
9	Nguyễn Thị Thu Hà	17/11/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 17
10	Lưu Thị Hương	06/10/2002	3,55	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 30
11	Hồ Thị Hạnh Nguyên	24/08/2002	3,45	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
12	Võ Đình Tăng	10/02/2002	3,81	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 62
13	Nguyễn Minh Tiên	12/11/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 75
14	Nguyễn Thị Thanh Trúc	15/04/2002	3,34	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 82
15	Nguyễn Gia Uyên	05/12/2002	3,57	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 86
16	Nguyễn Thị Thùy Dung	16/02/2002	3,57	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
17	Phan Anh Thư	21/02/2002	3,70	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 22
18	Nguyễn Thị Minh Hậu	27/05/2002	3,09	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
19	Trần Việt Phương Lan	15/09/2002	3,62	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
20	Trần Thị Minh Ngọc	01/01/2002	3,15	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24
21	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	05/03/2002	3,55	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 26
22	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	14/01/2002	3,44	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
23	Lê Trần Bảo Trâm	15/03/2002	3,27	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 46
24	Phạm Thị Thúy Vy	06/10/2002	2,89	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 49
25	Phạm Duyên Hà	12/09/2002	3,21	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 18



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Lưu Thị Thu Hằng	29/06/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 22
27	Trương Phạm Mỹ Hạnh	30/06/2002	3,75	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
28	Hoàng Thị Linh	05/07/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 33
29	Nguyễn Minh Tâm	01/07/2002	3,22	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 64
30	Phạm Nguyễn Yến Vi	25/03/2002	3,48	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 89
31	Nguyễn Thị Xuân Yên	20/08/2002	3,00	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 95

Ấn định danh sách này có 31 (ba mươi một) sinh viên , trong đó có:

- 4 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 20 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 7 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn



DANH SÁCH NGÀNH TÂM LÝ HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: *1045/QĐ-ĐHSP* ngày *27* tháng *5* năm *2024*
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hoàng Thiên Thuỷ Tiên	23/04/2002	3,18	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
2	Nguyễn Thị Yến Tiên	06/06/2002	3,08	Khá	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 39
3	Phạm Thị Phước An	24/11/2002	2,89	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
4	Nguyễn Xuân Ba	24/11/2002	3,73	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 9
5	Nguyễn Thị Kim Chi	19/05/2002	3,15	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15
6	Mai Thị Thùy Diễm	03/10/2002	3,44	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 19
7	Nguyễn Thị Dung	08/04/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 20
8	Đỗ Thị Hồng Hậu	20/09/2002	2,85	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 37
9	Phạm Thị Thu Hiền	09/02/2002	3,00	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 40
10	Võ Giang Hiền	28/03/2002	3,25	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 38
11	Trần Thuý Hiền	16/09/2002	3,11	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 41
12	Nguyễn Khánh Hòa	13/06/2002	3,62	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
13	Hoàng Thị Hồng	20/07/2002	3,02	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47
14	Nguyễn Đới Hà Trúc My	31/01/2002	3,23	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 73
15	Phan Thị Quỳnh Như	17/01/2002	3,56	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 96
16	Phan Thị Ny	07/11/2002	3,54	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 97
17	Nguyễn Anh Thư	12/01/2002	3,09	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 141
18	Nguyễn Thị Bích Thủy	24/03/2002	3,16	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 136
19	Nguyễn Thị Hoài Cẩm	19/05/2002	3,39	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
20	Nguyễn Thị Kiều Giang	30/04/2002	3,09	Khá	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 7
21	Đặng Lê Hoài Giang	15/08/2001	3,45	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
22	Nguyễn Tú Phương	06/01/1998	3,45	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 24
23	Trương Nhật Tài	06/07/2002	3,65	Xuất sắc	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 29
24	Phan Văn Đoàn	01/04/2002	3,71	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 8
25	Trương Ái Linh	09/01/2002	3,22	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 23
26	Trần Thị Thanh Huyền	04/08/2002	3,13	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 55



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
27	Lương Công Lanh	05/08/2002	3,45	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 64
28	Lê Văn Tiến	25/11/2002	2,98	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 148
29	Lê Minh Triết	19/07/2002	3,12	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 167
30	Nguyễn Ngô Tường Vi	27/09/2002	3,49	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 181

Ấn định danh sách này có 30 (ba mươi) sinh viên , trong đó có:

- 4 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 11 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 15 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn



DANH SÁCH NGÀNH TÂM LÝ HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1545/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Huỳnh Hồng Hạnh	10/08/2002	3,75	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 4
2	Nguyễn Ngọc Hồng Phương	23/08/1999	3,73	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 11
3	Hồ Thiên Thanh	04/05/2002	3,42	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 15

Ấn định danh sách này có 3 (ba) sinh viên , trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

DANH SÁCH NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-ĐHSP ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Thị Ngọc Dung	08/11/2002	3,56	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 2
2	Nguyễn Thị Kim Duyên	24/07/2002	3,49	Giỏi	3692/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
3	Phạm Tấn Chung	21/10/2002	3,72	Xuất sắc	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 3
4	Lê Thị Hương	11/12/2002	3,47	Giỏi	3708/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 5
5	Đặng Ngọc Bảo Châu	06/06/2001	3,68	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 6
6	Hồ Trần Lâm Dung	01/04/2002	3,32	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 13
7	Trần Nguyễn Yến Khanh	01/10/2002	3,71	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 29
8	Lê Thị Ngọc Lan	05/01/2002	3,84	Xuất sắc	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 31
9	Trần Hoàng Kim Ngân	14/10/2002	3,37	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 44
10	Nguyễn Phan Hồng Nhung	27/11/2002	3,47	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 47
11	Nguyễn Công Sĩ	27/12/2002	3,40	Giỏi	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 57
12	Nguyễn Chí Thành	16/04/2002	3,14	Khá	3693/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2020 60

Ấn định danh sách này có 12 (mười hai) sinh viên , trong đó có:

- 4 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 7 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 1 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




TS. Phan Đức Tuấn